

Số: /QĐ-QLCL

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ
quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

Căn cứ Quyết định số 1120/QĐ-BNN-TCCB ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm tại đơn đăng ký số 24/7/2019; Biên bản đánh giá cơ sở kiểm nghiệm ngày 30/8/2019 và báo cáo khắc phục của cơ sở kiểm nghiệm tại công văn số 994/CV-TTPT ngày 22/10/2019 và công văn số 1156/TTPT-CV ngày 13/11/2019 của Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra, Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

- Tên cơ sở kiểm nghiệm: Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội.

Địa chỉ 1: Tổ 44 phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Địa chỉ 2: 143 Hồ Đắc Di, Quận Đống Đa, Hà Nội.

- Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **028/2019/BNN-KNTP.**

- Danh mục phép thử được chỉ định: Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Trung tâm Phân tích và Chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên 3;
- Cục trưởng (báo cáo);
- Cục ATTP – Bộ Y tế (để biết);
- Vụ KHCN – Bộ Công Thương (để biết);
- Vụ KHCN – Bộ NN&PTNT (để biết);
- Các đơn vị thuộc Cục QLCL NLTS (để biết);
- Lưu VT, TTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Phùng Hữu Hào

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ –QLCL ngày /12/2019 của
Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản)

TT	Tên phép thử	Lĩnh vực	Giới hạn phát hiện của phép thử (nếu có)/phạm vi đo	
			Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện của phép thử (LOD)
1	Định lượng vi sinh vật, phần 1: Đếm khuẩn lạc ở 30°C bằng kỹ thuật đổ đĩa	Thịt và sản phẩm thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau, quả, chè, sữa tươi nguyên liệu	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)	10CFU/g
2	Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C sử dụng 5-Bromo-4-Clo-3-indolyl β -D-Glucuronid		TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	10CFU/g
3	Định lượng Coliform Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	10CFU/g
4	Định lượng Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác). Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:1999)	10CFU/g
5	Định lượng <i>Clostridium pefringens</i> . Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Thịt và sản phẩm thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau, quả, chè	TCVN 4991:2005 (ISO 7937-2004)	10CFU/g
6	Định lượng nấm men và nấm mốc Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95	Gia vị: hạt tiêu, hạt nêm, bột canh	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	10CFU/g
7	Định lượng nấm men và nấm mốc Phần 1: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc trong các sản phẩm có hoạt độ nước lớn hơn 0,95	Thịt, thủy sản, rau quả, chè, sữa tươi nguyên liệu	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	10CFU/g
8	Định lượng <i>Bacillus cereus</i> giả định trên đĩa thạch	Sữa tươi nguyên liệu, rau, quả và sản phẩm rau quả, ngũ cốc	TCVN 4992:2005 (ISO 7932:2004)	10CFU/g 1CFU/ml